

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Thành

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lam Điền

2. Ông Nguyễn Đình Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2023/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS, ngày 20/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Đào Tăng L, sinh ngày: 08/5/1979; Tại tỉnh Bình Đ; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Đào Ngọc C, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945; Vợ Đinh Thị P; sinh năm 1983 (bị cáo trong cùng vụ án); có 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007);

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Nhân thân: Ngày 29/10/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép và dùng nhà ở, chỗ ở của mình để chứa bạc, hình thức phạt tiền, mức xử phạt chung là 9.000.000 đồng, đã nộp phạt xong ngày 29/10/2020.

-Bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi Nơi cư trú” cho đến nay (có mặt)

2. Đinh Thị P, sinh ngày: 24/6/1983, tại tỉnh Bình Đ; Giới tính: Nữ;

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn 3/12; Con ông Đinh H, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; Chồng Đào Tăng L, sinh năm 1979 (bị cáo trong cùng vụ án); có 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007)

-Tiền án, tiền sự: Không;

-Bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi Nơi cư trú” cho đến nay (có mặt)

3. Nguyễn Hoàng H, sinh ngày: 24/01/1978; tại tỉnh Long An; Giới tính: Nam;
Nơi cư trú: Thôn R, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông;
Trình độ học vấn: 07/12 ; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1952; Vợ Lê Thị Bích M, sinh năm 1979; có 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2007).

-Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. Ngày 01/6/2012 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, ngày 11/6/2012 đã nộp phạt xong.

-Bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi Nơi cư trú” cho đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Quang H1, sinh ngày 21/4/1982; tại tỉnh Quảng Nam;Giới tính: Nam;
Nơi ĐKKH thường trú: số 319 Quang Trung, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk;
Nơi cư trú hiện nay: số 113/44/1/46 Nguyễn Cơ Thạch, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956 Vợ: Lê Thúy A; sinh năm 1984 (đã ly hôn); có 02 con(lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014).

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi Nơi cư trú” cho đến nay(có mặt)

5. Lê Văn H, sinh ngày: 01/01/1969, tại tỉnh Bình Đ; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông;
Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Lê Văn X, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1942; Vợ Trần Thị Ch sinh năm 1971; có 02 con(lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994).

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi Nơi cư trú” cho đến nay(có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Võ Thị H, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Ông Bùi Xuân V, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn 7, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Người làm chứng:

+ Ông Từ Văn T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1952

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Đào Tăng L, Đinh Thị P có 01 quán kinh doanh dịch vụ giải khát (quán cà phê) tại Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng đầu tháng 7/2023, nhận thấy khách hàng khi đến quán uống nước (cà phê) có nhu cầu đánh bạc thắng - thua bằng tiền; để thu hút khách đến nhằm bán được nhiều hàng hóa và thu lợi từ việc đánh bạc, L và P đã bàn bạc với nhau và cùng thống nhất cho người khác sử dụng quán cà phê của mình để đánh bạc trái phép. Khi những người đến quán và có nhu cầu đánh bạc thì vợ chồng L mang những bộ bài tây đã mua sẵn để cho họ làm công cụ đánh bạc, tại mỗi chiếu bạc, vợ chồng L để sẵn 01 hộp nhựa để người tham gia đánh bạc đựng tiền “xâu” – là khoản tiền mà người đánh bạc tự góp để trả tiền mua bài, tiền phí địa điểm và tiền công phục vụ dọn dẹp cho vợ chồng L, hình thức và mức tiền đánh bạc do những người tham gia đánh bạc tự thỏa thuận với nhau. Với phương thức như trên, vợ chồng L đã cho người khác đánh bạc tại quán cà phê của mình và H lợi bất chính từ việc này.

Vào chiều ngày 30/7/2023, có một nhóm 13 người đến quán cà phê của vợ chồng L để đánh bài, nhóm người trên chia làm 03 chiếu bạc, L mang bài tây, hộp nhựa để đựng tiền và phục vụ nước uống cho các chiếu bạc, cụ thể.

Chiếu bạc thứ nhất gồm: Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1978, trú tại thôn 4, xã C, huyện B; Nguyễn Quang Huy, sinh năm 1982, trú tại phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột; Lê Văn H, sinh năm 1969, trú tại Thôn A, xã E, huyện B và một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch, có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài phỏm, thắng - thua bằng tiền. Ban đầu, những người này quy ước người về nhì thua 100.000 đồng, người về thứ ba thua 150.000 đồng, người về thứ tư thua 200.000 đồng, người “cháy” thua 250.000 đồng, nếu có người “ù” thì những người còn lại mỗi người thua

300.000 đồng, người về nhất thắng toàn bộ tiền của người thua; người có bài “ù” hoặc bài có tứ quý thì trích ra 50.000 đồng bỏ vào hộp nhựa để đóng tiền “xâu”. Tuy nhiên, quá trình đánh bạc khi H1 sắp thua hết tiền nên thống nhất điều chỉnh lại mức tiền Cọc là người về nhì thua 20.000 đồng, người về thứ ba thua 30.000 đồng, người về thứ tư thua 40.000 đồng, người “cháy” thua 50.000 đồng, nếu có người “ù” thì mỗi người thua 60.000 đồng, mức tiền “xâu” điều chỉnh lại thành mỗi lần góp 20.000 đồng. Theo lời khai của các con bạc, trước khi tham gia đánh bạc Nguyễn Hoàng H mang theo số tiền khoảng 1.200.000 đồng, Nguyễn Quang H1 mang theo số tiền khoảng 1.000.000 đồng; Lê Văn H mang theo số tiền khoảng 9.000.000 đồng. Các bị cáo sử dụng toàn bộ số tiền mang theo để đánh bạc.

Chiếu bạc thứ hai gồm: Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Lê T, sinh năm 1985; Huỳnh Thị N, sinh năm 1979; Võ Thị H, sinh năm 1961; Nguyễn Thanh C, sinh năm 1960, cùng trú tại Thôn A, xã E, huyện B, có hành vi đánh bạc bằng hình thức bài tiến lên, thắng - thua bằng tiền. Trong đó các bà T, N, H, D là những người trực tiếp đánh bạc, còn ông C ban đầu không trực tiếp đánh bạc mà góp tiền để đánh bạc chung theo bài của bà H, do trong quá trình đánh bạc thấy bà H thua nhiều nên ông C trực tiếp cầm bài đánh thay bà H cho đến khi bị bắt. Những người này thỏa thuận mức tiền Cọc cụ thể: Người về thứ nhất thắng người về thứ tư 10.000 đồng, người về thứ hai thắng người về thứ ba 5.000 đồng. Khi đánh bạc, những người này thỏa thuận mỗi khi lấy một bộ bài mới và chia ván đầu, ai không có quân 2 thì phải góp tiền “xâu” số tiền 10.000 đồng. Theo lời khai của những người tham gia đánh bạc thì bà Huỳnh Thị N mang theo số tiền 220.000 đồng; bà Võ Thị H mang theo số tiền 260.000 đồng; bà Lê Thị Mỹ D mang theo số tiền 1.430.000 đồng; bà Nguyễn Thị Lê T mang theo số tiền 1.100.000 đồng; ông Nguyễn Thanh C mang theo số tiền 540.000 đồng, các đối tượng sử dụng toàn bộ số tiền mang theo để đánh bạc.

Chiếu bạc thứ ba gồm: Nguyễn Hồng P, sinh năm 1976; Nguyễn Thành T, sinh năm 1996; Lê Quang Đ, sinh năm 1975; cùng trú tại Thôn A, xã E, huyện B và Bùi Xuân V, sinh năm 1975, trú thôn 7, xã E, huyện B, có hành vi đánh bài phỏm, thắng thua bằng tiền. Những người này thỏa thuận mức tiền Cọc mỗi ván bạc cụ thể người về nhì thua 10.000 đồng, về thứ ba thua 15.000 đồng, về thứ tư thua 20.000 đồng, người bị “cháy” thua 25.000 đồng, nếu có người “ù” thì những người còn lại đều thua 30.000 đồng; đồng thời thỏa thuận bài của người nào có tứ quý hoặc “ù” sẽ góp 5.000 đồng bỏ vào hộp nhựa làm tiền “xâu” để trả cho vợ chồng bị cáo L. Trước khi tham gia đánh bạc, ông Nguyễn Hồng P mang theo số tiền khoảng 120.000 đồng; ông Nguyễn Thành T mang theo số tiền khoảng 360.000 đồng; ông Lê Quang Đ mang theo số tiền khoảng 470.000 đồng, ông Bùi Xuân V mang theo số tiền khoảng 300.000 đồng. Các đối tượng sử dụng toàn bộ số tiền mang theo để đánh bạc.

Khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã phát hiện, bắt quả tang hành vi đánh bạc trái phép nêu trên, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đào Tăng L, Đinh Thị P, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Quang Huy, Lê Văn H và ghi nhận hành vi đánh bạc trái phép đối với những người còn lại; tạm giữ tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất số tiền 11.850.000 đồng và 01 hộp nhựa bên trong chứa 300.000 đồng; tạm giữ tại chiếu bạc thứ hai số tiền 120.000 đồng được đựng trong 01 hộp nhựa, ngoài ra còn tạm giữ trên người bà D số tiền 1.430.000 đồng, bà T số tiền 1.100.000 đồng, bà N số tiền 190.000 đồng, bà H số

tiền 180.000 đồng, ông C số tiền 540.000 đồng, những người trên khai nhận số tiền bị tạm giữ trên người nhằm mục đích sử dụng vào việc đánh bạc; tạm giữ tại chiếu bạc thứ ba số tiền 2.470.000 đồng cùng một số đồ vật phục vụ đánh bạc, tạm giữ trên người bà Trần Thị Bích H số tiền 10.100.000 đồng và bà Nguyễn Thị C số tiền 290.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định được:

Tại chiếu bạc thứ nhất, số tiền 300.000 đồng đựng trong hộp nhựa gồm 280.000 đồng là tiền “xâu” mà những người đánh bạc trích ra để trả tiền cho vợ chồng bị cáo L và 20.000 đồng là tiền Nguyễn Hoàng H mua nước. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất là 12.130.000 đồng.

Tại chiếu bạc thứ hai, số tiền 120.000 đồng đựng trong hộp nhựa gồm 70.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, 40.000 đồng là tiền “xâu” và 10.000 đồng là tiền mua hàng hóa. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc thứ hai là 3.550.000 đồng.

Tại chiếu bạc thứ ba, ngày 04/10/2023 Cơ quan điều tra đã triệu tập ông Bùi Xuân V đến làm việc, ông V đã khai nhận hành vi đánh bạc của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 460.000 đồng là tiền ông V sử dụng để đánh bạc vào ngày 30/7/2023. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc thứ ba là 2.930.000 đồng, trong đó có số tiền khoảng 70.000 đồng đã được những người này trích ra để góp tiền xâu trả cho vợ chồng L.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc vào ngày 30/7/2023 tại nhà vợ chồng bị cáo L là **18.610.000 đồng, trong đó có tiền xâu nhằm thu lợi bất chính của vợ chồng L là khoảng 390.000 đồng.**

Ngoài ra, theo lời khai của vợ chồng bị cáo L thì trong khoảng 01 tháng trước khi bị bắt đã diễn ra việc đánh bạc tại quán cà phê của mình, vợ chồng bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc cho người khác đánh bạc tại quán số tiền ước tính khoảng 5.000.000 đồng, khoản tiền này vợ chồng L sử dụng chi tiêu cho nhu cầu chung của gia đình (do những người tham gia đánh bạc tại giai đoạn này là người lạ mặt không quen biết nên vợ chồng bị cáo L, P không nhớ số lượng người tham gia cũng như nhân thân lai lịch của từng đối tượng).

Trong vụ án này còn có các đối tượng Lê Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Lê T, Huỳnh Thị N, Võ Thị H, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Thành T, Lê Quang Đ và Bùi Xuân V có hành vi đánh bạc trái phép tại chiếu bạc thứ hai **số tiền** là 3.550.000 đồng **và chiếu bạc thứ ba số tiền** 2.930.000 đồng. Tuy nhiên, hành vi đánh bạc của các đối tượng trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại Điều 321 BLHS, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tách hành vi này chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Trần Thị Bích H, Nguyễn Thị C, Từ Văn T, Nguyễn Ngọc A có mặt tại quán cà phê của bị cáo Đào Tăng L nhưng không gia đánh bạc nên không đề cập xử lý.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKS, ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P, về tội “Gá bạc”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS; Truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng H,

Nguyễn Quang H, Lê Văn H, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Quang H, Lê Văn H thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc do các bị cáo thực hiện. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi phân T đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P phạm tội “Gá bạc”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Quang H, Lê Văn H phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đào Tăng L từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Đinh Thị P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước

- Về khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ: Do các bị cáo P, H, H1 đều không có thu nhập ổn định hàng tháng và

đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo này trong thời gian chấp hành hình phạt

- Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc không lớn và hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo đều khó khăn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình Sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại số tiền 10.100.000 đồng bị tạm giữ cho bà Trần Thị Bích H, trả lại số tiền 290.000 đồng tạm giữ cho bà Nguyễn Thị C, không sử dụng vào mục đích đánh bạc

+ Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 18.610.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và số tiền 5.000.000 đồng vợ chồng bị cáo L, P thu lợi bất chính từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại quán của mình mà có

+ Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 03 bàn đúc bằng Xi măng và 5 chiếc ghế nhựa màu xanh, 10 chiếc ghế nhựa màu nâu có lưng tựa và chân bằng kim loại là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy 15 bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân bài, 02 hộp nhựa hình trụ (đã qua sử dụng) là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

+ Đề nghị trả lại số tiền bán nước 30.000 đồng đã bị thu giữ cho vợ chồng bị cáo Đinh Thị P

+ Đề nghị không tịch thu giá trị nhà quán cà phê là 17.136.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

+ Đề nghị hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 469/LKB-ĐTTH, ngày 24/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Các bị cáo đều thừa nhận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình sai trái, ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp nội dung bản cáo trạng của Viện

kiểm sát, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 30/7/2023, bị cáo Đào Tăng L và Đinh Thị P đã có hành vi cho các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Hoàng H, Lê Văn H và 10 đối tượng khác đánh bạc được thua bằng tiền tại địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình với số lượng ba chiếu bạc, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.610.000 đồng, trong đó số tiền 390.000 đồng là tiền xâu mà L và P thu lợi bất chính được trích từ số tiền đánh bạc.

Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện và hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P phạm tội “**Gá bạc**” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Quang H1 và Lê Văn H phạm tội: “**Đánh bạc**” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án T mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 5 năm.

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên”

[3] Xét tính chất vụ án thấy rằng: Đối với tội “Gá bạc” do vợ chồng bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P thực hiện từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại quán cà phê do mình quản lý để thu tiền mức 10.000 đồng đến 20.000 đồng cho một lần đánh bạc thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và thực tế trong vụ án này các bị cáo thu lợi bất chính số tiền không lớn.

Đối với tội “Đánh bạc” các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Hoàng H và Lê Văn H thực hiện thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và nhân thân của các bị cáo là khác nhau cụ thể như sau:

Lê Văn H sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều hơn, Nguyễn Hoàng H có nhân thân xấu nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn Nguyễn Quang H

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Quang H, Lê Văn H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy, cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hoàng H có cha đẻ là người có công với cách mạng. Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính do chứa cờ bạc. Vì vậy, cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H, L, P.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Đào Tăng L gá bạc với qui mô và thu lợi bất chính không lớn vì vậy áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự để xử phạt tiền đối với bị cáo L là thỏa đáng.

Bị cáo Đinh Thị P có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Bị cáo Lê Văn H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Hoàng H tham gia đánh bạc với số tiền không lớn. Mặt khác các bị cáo này đều có Nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần bắt các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, số tiền dùng đánh bạc không lớn. Vì vậy áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng

[7] Về khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ: Thấy rằng các bị cáo Đinh Thị P, Nguyễn Hoàng H và Lê Văn H đều không có thu nhập ổn định hàng tháng và đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo là phù hợp.

[8] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về việc không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền các bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền 18.610.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và số tiền 5.000.000 đồng do Đào tăng L, Đinh Thị P giao nộp là số tiền thu lợi bất chính do chứa cờ bạc mà có. Vì vậy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với vật chứng của vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 03 bộ bàn đúc bằng Xi măng, 05 ghế nhựa màu xanh, 10 ghế nhựa màu nâu có lưng tựa và chân bằng kim loại là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Vì vậy, cần tịch thu để sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với 02 hộp nhựa hình trụ và 15 bộ bài tú lơ khơ (trong đó có 08 bộ đã qua sử dụng) là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu để tiêu hủy.

+Đối với số tiền 10.100.000 đồng tạm giữ trên người bà Trần Thị Bích H và số tiền 290.000 đồng tạm giữ trên người bà Nguyễn Thị C, quá trình điều tra xác định số tiền trên không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên ngày 07/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho bà Trần Thị Bích H và bà Nguyễn Thị C là phù hợp cần chấp nhận.

+Đối với số tiền 30.000 đồng, quá trình điều tra xác định đây là tiền những người đánh bạc mua nước của vợ chồng L, P, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho vợ chồng L, P là phù hợp.

Đối với địa điểm đánh bạc là quán cà phê thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P, thuộc Thôn A, xã E, huyện B. L và P cho phép các bị cáo và một số đối tượng khác đánh bạc tại địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình chủ yếu nhằm mục đích đông khách tới quán còn mục đích thu lợi bất chính do chứa cờ bạc là không đáng kể. Vì vậy không tịch thu tài sản này là phù hợp nên cần hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 469/LKB-ĐTTH, ngày 24/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Trong vụ án này còn có các đối tượng Lê Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Lê T, Huỳnh Thị N, Võ Thị H, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Thành T, Lê Quang Đ và Bùi Xuân V có hành vi đánh bạc trái phép tại chiếu bạc thứ hai **số tiền** là 3.550.000 đồng và **chiếu bạc thứ ba số tiền** 2.930.000 đồng. Tuy nhiên, hành vi đánh bạc của các đối tượng trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại Điều 321 BLHS, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tách hành vi này chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với bà Trần Thị Bích H, Nguyễn Thị C, Từ Văn T, Nguyễn Ngọc A có mặt tại quán cà phê của bị cáo Đào Tăng L nhưng không tham gia đánh bạc nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P phạm tội "**Gá bạc**" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Lê Văn H, Nguyễn Quang H1 phạm tội "**Đánh bạc**" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Tăng L 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị P 02 (hai) năm 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ

ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của tòa án. Giao bị cáo Đinh Thị P cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 01 (một) năm 06(sáu) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của tòa án. Giao bị cáo Nguyễn hoàng H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

+Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 27(hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/8/2023 = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của tòa án. Giao bị cáo Lê văn H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Trường hợp các bị cáo Đinh Thị P , Nguyễn Hoàng H, Lê Văn H thay đổi Nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo Đinh Thị P , Nguyễn Hoàng H, Lê Văn H phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo Đinh Thị P , Nguyễn Hoàng H, Lê Văn H trong thời gian chấp hành hình phạt.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho bà Trần Thị Bích H số tiền 10.100.000 đồng và trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 290.000 đồng và trả lại cho Đào Tăng L số tiền 30.000đồng.

2.2 Trả lại cho vợ chồng bị cáo Đinh Thị P số tiền bán nước uống đã bị thu giữ 30.000đ (ba mươi nghìn đồng).

2.3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 18.610.000đ (mười tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) vợ chồng Đào Tăng L, Đinh Thị P giao nộp do thu lợi bất chính từ hành vi chứa cờ bạc.

2.3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 03 bộ bàn đúc bằng Xi măng, 05 ghế nhựa màu xanh, 10 ghế nhựa màu nâu có lưng tựa và chân bằng kim loại là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

2.4 Tịch thu để tiêu hủy 02 hộp nhựa hình trụ và 15 bộ tú lơ khơ (trong đó có 08 bộ đã qua sử dụng).

(các vật chứng này có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B)

2.5. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 469/LKB-ĐTTH, ngày 24/10/ 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Tăng L, Đinh Thị P , Nguyễn Hoàng H, Lê Văn H, Nguyễn Quang H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- P. GDKT TAND cấp cao Đă Nẵng
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Cơ quan THA.HS huyện B;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Sỹ Thành